

# LỢI ÍCH QUỐC GIA - DÂN TỘC: NỘI HÀM KHÁI NIỆM VÀ CÁC THUỘC TÍNH CƠ BẢN<sup>(\*)</sup>

**Phan Thị Thu Hằng<sup>(\*\*)</sup>**

<sup>(\*\*)</sup> Tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: [thuhangvth@hotmail.co.uk](mailto:thuhangvth@hotmail.co.uk)

**Tóm tắt:** Lợi ích quốc gia - dân tộc là một khái niệm nền tảng, bao gồm toàn bộ những điều kiện cốt lõi, thiết yếu nhất cho sự tồn tại và phát triển bền vững của một quốc gia - dân tộc. Việc nhận diện chính xác nội hàm cũng như các thuộc tính cơ bản của lợi ích quốc gia - dân tộc sẽ góp phần quan trọng vào việc xác định trọng tâm của chiến lược phát triển, đồng thời định hướng cho công tác hoạch định đường lối đối nội và đối ngoại. Bài viết tập trung làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản nêu trên, góp phần cung cấp cái nhìn đa chiều, chặt chẽ và hệ thống về lợi ích quốc gia - dân tộc.

**Từ khóa:** lợi ích quốc gia - dân tộc, tính khách quan, tính lịch sử - cụ thể, tính dân tộc.

*Ngày nhận bài: 30/06/2025; ngày phản biện: 01/07/2025; ngày sửa chữa: 25/07/2025; ngày duyệt đăng: 10/08/2025.*

## 1. Mở đầu

Lợi ích quốc gia - dân tộc được coi là kim chỉ nam quan trọng chỉ dẫn cho các hoạt động đối nội và đối ngoại, là cơ sở lý luận cho các quyết sách chiến lược của dân tộc. Việc xác định, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc là nhiệm vụ trung tâm của mỗi chủ thể nhà nước, là vấn đề ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển. Tuy nhiên, xung quanh vấn đề lợi ích quốc gia - dân tộc luôn tồn tại những tranh luận phức tạp như chủ thể quyết định, các yếu tố cấu thành, phương thức thực hiện... Đặc biệt, trong bối cảnh chính trị thế giới đang diễn ra nhiều biến động phức tạp cùng với sự đan xen

của các xu hướng hợp tác, xung đột, toàn cầu hóa, việc làm rõ những vấn đề lý luận về lợi ích quốc gia - dân tộc sẽ cung cấp những chỉ dẫn quan trọng cho việc xác định, thực thi lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ quốc tế.

## 2. Nội hàm khái niệm “lợi ích quốc gia - dân tộc”

Lợi ích quốc gia - dân tộc đóng vai trò cơ sở chính trị - pháp lý để nhà nước xây dựng, triển khai các chiến lược phát triển

---

<sup>(\*)</sup> Bài viết này là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ “*Lợi ích quốc gia - dân tộc trong lịch sử tư tưởng Việt Nam và một số bài học kinh nghiệm trong thời kỳ mới*” do TS. Phan Thị Thu Hằng làm chủ nhiệm, Viện Triết học là cơ quan chủ trì.

kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, thiết lập quan hệ quốc tế. Sự hình thành của khái niệm lợi ích quốc gia - dân tộc gắn liền với quá trình lịch sử lâu dài, phức tạp của hệ thống chính trị quốc tế cùng với sự trỗi dậy của các quốc gia - dân tộc và sự phát triển của tư tưởng chính trị. Đến thời kỳ Phục hưng ở Ý, nhà tư tưởng Niccolò Machiavelli đã đưa ra quan niệm rõ rệt rằng lợi ích quốc gia - dân tộc phải được đặt lên trên hết, thể hiện trong tác phẩm *Quân vương*. Ông lập luận rằng, để bảo vệ sự thống nhất và sức mạnh của đất nước, nhà cai trị phải sẵn sàng áp dụng các biện pháp cần thiết. Trong Chương XVII (*Bàn về sự tàn bạo và lòng nhân từ, và về việc nên được yêu hay bị sợ thì tốt hơn*), Machiavelli cho rằng, ngay cả khi một nhà cai trị bị gắn mác là tàn nhẫn nhưng vẫn giữ được đất nước trong vòng trật tự, thì điều đó vẫn được coi là “nhân ái hơn” so với việc vì “lòng trắc ẩn thái quá dẫn đến rối loạn xã hội, cướp bóc và giết người” (Niccolò Machiavelli 2009: 65).

Mặc dù Niccolò Machiavelli không trực tiếp sử dụng thuật ngữ “lý do của nhà nước” (*Raison d’État*) hay “lợi ích quốc gia - dân tộc”, nhưng đã đặt nền móng cơ bản cho khái niệm này. Sau đó, Giovanni Botero đã phát triển và định nghĩa trong tác phẩm *Della Ragion di Stato* (1589); đến thế kỷ XVII tại Pháp, Hồng y Richelieu đã kế thừa và phát triển thành khái niệm “lý do của nhà nước” (*Raison d’État*) - được coi là mầm mống của khái niệm lợi ích quốc gia - dân tộc hiện đại. Richelieu cho rằng: “Lợi ích

công cộng phải là mục tiêu duy nhất của quân vương và các cố vấn của ông, hoặc ít nhất, cả hai đều có nghĩa vụ đặt nó lên hàng đầu và ưu tiên hơn mọi lợi ích riêng tư (...) những tai ương sẽ giáng xuống một quốc gia nếu lợi ích cá nhân được ưu tiên hơn lợi ích công cộng và thực sự chiếm ưu thế” (Richelieu 1961: 76).

Richelieu khẳng định nhà nước tuân theo logic hành động, quy tắc ứng xử riêng, không bị chi phối bởi đạo đức cá nhân hay tôn giáo, với mục tiêu cao nhất là bảo vệ sự tồn vong, an ninh, sức mạnh của nhà nước. Sự xuất hiện của khái niệm “lý do của nhà nước” (*Raison d’État*) đã phản ánh sự chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy chính trị, khi lợi ích của nhà nước được tách biệt khỏi các ràng buộc đạo đức cá nhân hay tôn giáo, trở thành mục tiêu tối thượng cần bảo vệ bằng mọi giá. Trong bối cảnh đó, Hòa ước Westphalia năm 1648 được kí kết bởi các cường quốc châu Âu đương thời đã chính thức thiết lập khuôn khổ cho sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc. Hòa ước mang tính bước ngoặt này đã củng cố vị thế của quốc gia - dân tộc như một chủ thể chính trị độc lập, trung tâm của hệ thống quốc tế, dựa trên các nguyên tắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Như Serena Giusti nhận định, Hòa ước Westphalia đã đặt nền móng cho: “Sự bình đẳng về mặt pháp lý của các quốc gia có cùng quyền và nghĩa vụ, bao gồm cả việc không phải là nạn nhân cũng không phải là thủ phạm can thiệp vào công việc nội bộ của các

quốc gia khác” (Serena Giusti 2022: 5).

Bước sang giai đoạn thế kỷ XVIII, dưới sự tác động của Cách mạng tư sản Pháp năm 1789, khái niệm lợi ích quốc gia - dân tộc dần được định hình một cách rõ rệt. Trong giai đoạn này, nhà tư tưởng như Jean-Jacques Rousseau đã đưa ra tư tưởng “chủ quyền nhân dân”, cho rằng quyền lực nhà nước được bắt nguồn từ nhân dân, thể hiện qua “ý chí chung” nhằm hướng tới “lợi ích chung” của cộng đồng. Trong tác phẩm *Bàn về kế ước xã hội*, ông chỉ ra rằng ý chí chung không phải là ý chí của một nhà cai trị, một nhóm nhỏ quyền lực, mà là sự tổng hợp nguyện vọng chung của toàn dân: “Ý chí chung muốn thật sự là ý chí chung, thì phải là ý chí chung từ trong đối tượng và trong bản chất của nó; phải từ tất cả ứng dụng cho tất cả. Ý chí chung sẽ mất sự đúng đắn tự nhiên khi nó thiên về một đối tượng riêng lẻ nhất định, bởi vì lúc đó ta sẽ không có được những nguyên tắc chỉ đạo chính xác khi phải phán đoán một điều xa lạ” (Jean-Jacques Rousseau 2006: 87-88). Do đó, ý chí chung của người dân trở thành nền tảng xác định lợi ích quốc gia - dân tộc, mang tính bao quát và khách quan. Điều này dẫn đến sự chuyển biến trong nội hàm khái niệm lợi ích quốc gia - dân tộc: từ chỗ gắn với lợi ích của quốc vương hay nhóm cầm quyền, lợi ích quốc gia – dân tộc đã mở rộng thành lợi ích chung của tất cả công dân, toàn thể dân tộc. Bước sang thế kỷ XIX, cùng với sự nổi lên của chủ nghĩa dân

tộc, khái niệm “dân tộc” - cộng đồng người được gắn kết bởi lịch sử, văn hóa, ý thức vận mệnh chung - cũng định hình mạnh mẽ thực tiễn chính trị quốc tế. Nhà nước lúc này không chỉ là bộ máy quyền lực, mà còn được coi là công cụ phục vụ cho dân tộc. Vì thế, lợi ích quốc gia - dân tộc không chỉ bao hàm vấn đề an ninh lãnh thổ hay quyền lực nhà nước, mà còn mở rộng sang các lĩnh vực khác như bảo đảm sự thịnh vượng kinh tế của người dân, bảo tồn bản sắc văn hóa, nâng cao uy tín và vị thế quốc gia trên trường quốc tế...

Sang thế kỷ XX, sau hai cuộc chiến tranh thế giới khốc liệt cùng với sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân, vấn đề bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và phản đối sự can thiệp của nước ngoài được coi là mục tiêu chung mà tất cả quốc gia theo đuổi. Điều này được thể hiện qua cuộc chạy đua vũ trang quy mô lớn (cả vũ khí thông thường và hạt nhân) của hai siêu cường Hoa Kỳ và Liên Xô, việc thành lập các liên minh quân sự (như NATO và Khối hiệp ước Warsaw), các hoạt động triển khai và can thiệp quân sự trên khắp thế giới. Song song với đó, những cuộc xung đột ý thức hệ, đặc biệt là sự đối đầu giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản diễn ra vào giai đoạn này, đã đưa vấn đề ý thức hệ trở thành mối quan tâm của các quốc gia - dân tộc. Các quốc gia nhận ra rằng, họ không chỉ cần sức mạnh quân sự, mà còn phải đối phó với các mối đe dọa từ ý thức hệ và văn hóa. Đặc biệt,

việc duy trì, phát huy hệ tư tưởng quốc gia, chống lại sự xâm nhập của hệ tư tưởng đối lập đã trở thành một nội dung quan trọng trong lợi ích quốc gia - dân tộc. Hệ tư tưởng được coi là một cơ sở quan trọng để nhận diện bạn – thù và xây dựng chính sách quốc gia. Thực tiễn lịch sử thế kỷ XX đã chứng kiến Hoa Kỳ và Liên Xô nỗ lực tuyên truyền, truyền bá mô hình phát triển cùng hệ giá trị mà mình theo đuổi sang các nước khác. Học giả Joseph Nye, trong cuốn sách *Sức mạnh mềm: phương tiện dẫn đến thành công trong chính trị thế giới* (Soft Power: The Means to Success in World Politics), đã chỉ ra rằng Hoa Kỳ đã vận dụng thành công sức mạnh mềm dựa trên sức hấp dẫn văn hóa, lý tưởng chính trị, chính sách đối ngoại để tấn công vào hệ thống Xô viết. Theo ông, sở dĩ Hoa Kỳ giành chiến thắng trong cuộc chiến tranh lạnh là nhờ sự kết hợp chặt chẽ giữa sức mạnh cứng và sức mạnh mềm. Trong đó, sức mạnh cứng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chiến lược ngăn chặn quân sự hiệu quả, còn sức mạnh mềm lại giúp làm xói mòn hệ thống Xô viết từ bên trong. Đồng thời, ông cũng nhấn mạnh rằng không phải mọi nguồn lực sức mạnh mềm đều thuộc về Hoa Kỳ, tuy nhiên sẽ là một thiếu sót lớn nếu bỏ qua sức hấp dẫn của văn hóa đại chúng Mỹ trong việc tạo nên sức mạnh mềm của quốc gia này (Xem: Joseph Nye 2004: 33-72). Chính vì vậy, nội hàm khái niệm lợi ích quốc gia - dân tộc đã được mở

rộng đáng kể, bao hàm cả vấn đề ý thức hệ, hệ giá trị, hệ tư tưởng.

Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ thúc đẩy quá trình hội nhập diễn ra ngày càng sâu rộng, kéo theo sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia. Điều này dẫn đến nội hàm khái niệm lợi ích quốc gia - dân tộc cũng không ngừng được bổ sung và phát triển, bên cạnh các lợi ích an ninh chính trị và quân sự truyền thống, các lợi ích an ninh phi truyền thống như lợi ích kinh tế, lợi ích văn hóa, lợi ích môi trường, lợi ích khoa học và công nghệ... cũng trở thành mối quan tâm chung của các quốc gia - dân tộc. Bên cạnh đó, các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, an ninh mạng, tội phạm xuyên quốc gia cũng đặt ra những vấn đề mới trong việc xử lý quan hệ giữa lợi ích quốc gia - dân tộc với lợi ích toàn cầu. Chính vì sự mở rộng không ngừng của nội hàm khái niệm này, cùng với tính phức tạp của các mối quan hệ quốc tế, khái niệm lợi ích quốc gia - dân tộc, mặc dù được sử dụng phổ biến trong hoạt động chính trị và học thuật quốc tế hiện nay, vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất trong cộng đồng học thuật quốc tế, thể hiện qua sự đa dạng trong cách tiếp cận. Chẳng hạn, Hans Morgenthau nhấn mạnh vai trò định hướng và chuẩn mực đạo đức của lợi ích quốc gia - dân tộc: “Không chỉ là một nhu cầu chính trị, mà còn là nghĩa vụ đạo đức đối với một quốc gia khi đối xử với các quốc gia khác,

luôn tuân theo một ngôi sao chỉ đường, một tiêu chuẩn cho tư tưởng, một quy tắc cho hành động: Lợi ích quốc gia” (Hans J.Morgenthau 1951: 241-242). Trong khi đó, Charles Lerche và Abdul tập trung vào “mục đích chung, dài hạn và liên tục” mà nhà nước và quốc gia cùng theo đuổi (Xem: Charles O.Lerche Jr. và cộng sự 1972: 25). Một số định nghĩa khác lại đi sâu cụ thể hóa các yếu tố cốt lõi của lợi ích quốc gia - dân tộc như tự bảo vệ, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quân sự và thịnh vượng kinh tế (Xem: Jack C Plano và cộng sự 1982: 10), hoặc đề cập chung chung những gì quốc gia coi là cần thiết cho an ninh, phúc lợi của mình hay nguyện vọng của các quốc gia có chủ quyền trong quan hệ quốc tế (Xem: Harold J.Clem 1983: 26).

Như vậy, lợi ích quốc gia - dân tộc luôn gắn với nhà nước - quốc gia, có vai trò định hướng hoặc là mục tiêu cho chính sách, và thường bao hàm các yếu tố liên quan đến sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc. Trên cơ sở khảo cứu quá trình hình thành khái niệm này, có thể khẳng định rằng, *lợi ích quốc gia - dân tộc là tập hợp toàn diện các lợi ích cốt lõi về an ninh, chính trị, kinh tế, văn hóa*, được xác định và điều chỉnh linh hoạt nhằm đảm bảo *sự tồn vong, độc lập, chủ quyền, thịnh vượng và phát triển bền vững của quốc gia - dân tộc trong bối cảnh quốc tế*.

Tuy nhiên, lợi ích quốc gia - dân tộc không phải là sự tổng hợp các mục tiêu rời rạc, mà là một thực thể sống động

với những dấu hiệu bản chất và biểu hiện đa dạng. Lợi ích quốc gia - dân tộc là cái đích cao nhất, chi phối mọi chính sách đối nội và đối ngoại. Khi có sự xung đột giữa lợi ích của một nhóm, một giai tầng, hay một lĩnh vực cụ thể, lợi ích quốc gia - dân tộc phải được đặt lên hàng đầu và là yếu tố quyết định cuối cùng. Mọi quyết sách của nhà nước, từ việc xây dựng hiến pháp, pháp luật đến việc hoạch định chiến lược kinh tế, an ninh, đều phải lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm nền tảng. Đồng thời, lợi ích quốc gia - dân tộc không phải là những mục tiêu ngắn hạn, nhất thời. Nó là những giá trị cốt lõi đảm bảo sự tồn tại và phát triển thịnh vượng của đất nước qua nhiều thế hệ. Điều này đòi hỏi các nhà lãnh đạo phải có tầm nhìn chiến lược, vượt qua những tính toán cục bộ để bảo vệ những giá trị lâu dài như độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và sự phồn vinh của dân tộc.

Lợi ích quốc gia - dân tộc bao gồm cả những giá trị hữu hình như sức mạnh kinh tế, năng lực quốc phòng, và những giá trị vô hình như bản sắc văn hóa, các giá trị đạo đức, tinh thần dân tộc. Một quốc gia dù có kinh tế mạnh đến đâu nhưng nếu đánh mất bản sắc văn hóa thì vẫn không thể bảo đảm được lợi ích quốc gia - dân tộc một cách toàn vẹn. Lợi ích quốc gia - dân tộc không phải là lợi ích của riêng một thể chế cầm quyền hay một nhóm người, mà là sự dung hòa giữa lợi ích của Nhà nước và lợi ích của người dân. Sự đồng thuận xã hội và lòng

tin của người dân vào chính sách của nhà nước là một phần không thể thiếu của lợi ích quốc gia - dân tộc. Mặt khác, lợi ích quốc gia - dân tộc không phải là một khái niệm cứng nhắc, bất biến, mà luôn thay đổi theo dòng chảy của lịch sử và bối cảnh quốc tế. Tùy thuộc vào từng giai đoạn lịch sử, thứ tự ưu tiên của các lợi ích sẽ khác nhau. Vị thế và khả năng của một quốc gia cũng ảnh hưởng đến việc xác định lợi ích. Khả năng nhận diện, điều chỉnh và ưu tiên các lợi ích phù hợp với bối cảnh là dấu hiệu của một quốc gia có năng lực quản trị hiệu quả và tầm nhìn chiến lược.

Trên cơ sở những dấu hiệu bản chất trên đây, nội hàm của khái niệm lợi ích quốc gia - dân tộc được thể hiện rõ nét ở các lĩnh vực sau:

*Một là, về lĩnh vực an ninh:* Trong số các khía cạnh cấu thành lợi ích quốc gia - dân tộc, an ninh quốc gia được công nhận rộng rãi là một yếu tố sống còn và có vị trí ưu tiên chiến lược. An ninh quốc gia bao hàm một phạm vi rộng lớn, từ việc duy trì ổn định chính trị - xã hội, phòng chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, bảo vệ an ninh biên giới, biển đảo, không gian mạng, đến việc xây dựng năng lực phòng thủ vững mạnh; đồng thời đảm bảo an ninh con người và sự an toàn cho công dân.

*Hai là, về lĩnh vực chính trị:* Lợi ích quốc gia - dân tộc gắn bó chặt chẽ với việc duy trì và củng cố thể chế chính trị, năng lực quản trị quốc gia, cùng với việc nâng cao vị thế, vai trò và uy tín của

quốc gia - dân tộc trên trường quốc tế. Cụ thể, lợi ích chính trị yêu cầu duy trì vững chắc chủ quyền quốc gia và nền độc lập chính trị, bảo đảm khả năng tự chủ trong các quyết định hệ trọng mà không bị can thiệp hay ảnh hưởng từ các tác nhân bên ngoài. Đồng thời, nó cũng bao hàm việc tăng cường sự đoàn kết nội bộ, đồng thuận xã hội và chủ động tham gia vào các thể chế, diễn đàn quốc tế nhằm gia tăng ảnh hưởng, góp phần giải quyết các vấn đề toàn cầu và thúc đẩy hòa bình, ổn định cho khu vực và thế giới.

*Ba là, về lĩnh vực kinh tế:* Lợi ích kinh tế đóng vai trò thiết yếu trong việc bảo đảm cơ sở vật chất cho sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc. Một nền kinh tế vững mạnh không chỉ tạo ra việc làm và thu nhập ổn định cho người dân, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các lĩnh vực quan trọng khác. Các chính sách kinh tế quốc gia thường được định hướng nhằm củng cố khả năng định hình và tham gia vào các thể chế kinh tế quốc tế, từ đó nâng cao vị thế chiến lược của quốc gia trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đầy biến động và phức tạp. Trong mối quan hệ quốc tế, lợi ích kinh tế không chỉ là nguyên nhân sâu xa dẫn đến những quyết định quan trọng như áp dụng thuế quan hay ký kết hiệp định thương mại tự do, mà còn là nguồn cơn của các tranh chấp thương mại và cuộc chiến công nghệ.

*Bốn là, về lĩnh vực văn hóa:* Bảo tồn bản sắc văn hóa là một thành phần thiết yếu, một bộ phận hữu cơ của lợi

ích quốc gia - dân tộc. Xuất phát từ lợi ích quốc gia - dân tộc, nhiều nỗ lực đã được triển khai nhằm bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán, cùng với các giá trị tinh thần đặc trưng; góp phần gia tăng ảnh hưởng quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, quyền lực mềm dựa trên sức hấp dẫn văn hóa ngày càng trở thành một công cụ chiến lược quan trọng để đạt được ảnh hưởng chính trị và lợi ích kinh tế.

Như vậy, lợi ích quốc gia - dân tộc là tập hợp toàn diện các lợi ích cốt lõi, được xác định và điều chỉnh linh hoạt nhằm đảm bảo sự tồn vong, độc lập, chủ quyền, thịnh vượng và phát triển bền vững. Việc bảo đảm và thúc đẩy lợi ích này là vấn đề hàng đầu trong mọi quyết sách của nhà nước, nhằm đảm bảo quốc gia có vị thế xứng đáng trong cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng lợi ích quốc gia - dân tộc không phải là một khái niệm tĩnh, đóng kín, mà luôn vận động, biến đổi cùng với thực tiễn chính trị sôi động. Nội hàm khái niệm lợi ích quốc gia - dân tộc không ngừng được làm phong phú, phản ánh nhu cầu sinh tồn, phát triển, giá trị văn hóa của các quốc gia - dân tộc. Đối với Việt Nam, khái niệm “lợi ích quốc gia - dân tộc” mang tính đặc thù rõ rệt, thể hiện sâu sắc quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Nội hàm khái niệm lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam được kết tinh từ ý chí, trí tuệ, kinh nghiệm thực tiễn của một dân tộc luôn phải đối

mặt với thế lực ngoại xâm hùng mạnh để bảo vệ sự sinh tồn và độc lập của mình. Chính vì thế, lợi ích quốc gia - dân tộc trong tư duy của người Việt Nam mang những đặc điểm riêng biệt, khác với cách tiếp cận của nhiều quốc gia khác trên thế giới.

Đặc trưng nổi bật nhất trong khái niệm lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam chính là sự đồng nhất giữa quốc gia (state) và dân tộc (nation). Đối với các quốc gia phương Tây, lợi ích quốc gia (National Interest) và lợi ích dân tộc (Ethnic Interest) thường được phân tách rõ ràng, thậm chí trong một số trường hợp có sự đối lập. Chẳng hạn như ở một số nước phương Tây, các chính sách của nhà nước có thể được xây dựng dựa trên các tính toán địa - chính trị, kinh tế, hoặc quyền lực, không nhất thiết phải đồng nhất với lợi ích của từng nhóm dân tộc thiểu số hay cộng đồng xã hội cụ thể. Thực tế này bắt nguồn từ đặc điểm, bối cảnh lịch sử hình thành của các nhà nước hiện đại, nơi quyền lực của chính phủ và bản sắc dân tộc phát triển theo các hướng riêng biệt.

Trong dòng chảy lịch sử Việt Nam, sự ra đời và phát triển của nhà nước - quốc gia luôn hòa quyện cùng với quá trình hình thành của dân tộc. Đặc biệt, lịch sử giữ nước đầy cam go đã chứng minh rằng sự tồn vong của nhà nước không thể tách rời với sự tồn vong của dân tộc. Chính vì vậy, sức mạnh thực sự của dân tộc Việt Nam không chỉ đến từ tiềm lực quân sự hay sự khéo léo trong

ngoại giao, mà còn từ sự đồng lòng tuyệt đối của toàn dân, với tinh thần “tất cả vì Tổ quốc”. Tư tưởng này được thể hiện rõ nét trong lịch sử tư tưởng Việt Nam. Trong tác phẩm *Bình Ngô đại cáo*, Nguyễn Trãi đã viết rằng: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân/ Quân điếu phạt trước lo trừ bạo” (Nguyễn Trãi 1976: 77), đây không chỉ là bản tuyên ngôn chiến thắng, mà còn được coi là sự khẳng định về tính chính đáng của nhà nước. “Nhân nghĩa” không phải là giá trị trừu tượng, mà được cụ thể hóa bằng mục tiêu “yên dân” - tức là đảm bảo cuộc sống an bình, hạnh phúc cho nhân dân. Mọi hành động của nhà nước, kể cả việc dùng vũ lực “điếu phạt” (trừng phạt kẻ có tội) và “trừ bạo” (trừ khử kẻ bạo tàn), đều phải nhằm phục vụ mục tiêu tối thượng này. Lợi ích của nhà nước (quốc gia) và lợi ích của người dân (dân tộc) hoàn toàn đồng nhất.

Sự đồng nhất này cũng được thể hiện rõ nét trong tư tưởng “yêu nước, thương dân” xuyên suốt lịch sử, từ các vị vua anh minh đến các nhà hoạt động cách mạng. “Lòng dân” luôn được xem là thước đo quyền lực và tính chính danh của nhà nước, mất “lòng dân” là mất tất cả. Vì thế, lợi ích của nhân dân luôn đóng vai trò cốt lõi, là giá trị bền vững nhất của lợi ích quốc gia - dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định triết lý này như sau: “Nước lấy dân làm gốc... Gốc có vững cây mới bền. Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân” (Hồ Chí Minh 2011, tập 5: 502). Có thể nói,

sự đồng nhất giữa quốc gia và dân tộc không chỉ là đặc điểm lịch sử, mà còn là một triết lý sống còn của dân tộc. Điều này góp phần giải thích tại sao dân tộc Việt Nam có thể vượt qua mọi thử thách, bởi sức mạnh của chúng ta được xây dựng trên sự gắn kết hữu cơ giữa lợi ích của nhà nước (quốc gia) và lợi ích của nhân dân (dân tộc).

Đặc trưng thứ hai của khái niệm lợi ích quốc gia - dân tộc ở Việt Nam là sự kết hợp hài hòa giữa mục tiêu độc lập dân tộc và lý tưởng chủ nghĩa xã hội. Sự liên kết này không phải là một sự tích hợp máy móc, mà được hình thành và củng cố một cách có hệ thống trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đối với Người, độc lập dân tộc chỉ có ý nghĩa trọn vẹn khi gắn liền với tự do, hạnh phúc của nhân dân và giải phóng con người khỏi mọi hình thức áp bức, bóc lột. Người khẳng định: “Nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” (Hồ Chí Minh 2011, tập 4: 64). Sự chuyển dịch tư tưởng này hình thành nên một định nghĩa toàn diện về lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam. Lợi ích quốc gia - dân tộc không chỉ là bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, mà còn là kiến tạo một xã hội nơi người dân được thụ hưởng trọn vẹn thành quả của độc lập. Cách tiếp cận độc đáo này tạo nên bản sắc riêng của Việt Nam so với các lý thuyết quan hệ quốc tế khác. Có thể thấy, nội hàm khái niệm lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam được xây dựng

trên lý tưởng chính trị - xã hội cụ thể và nhất quán: độc lập gắn liền với tự do, hạnh phúc của nhân dân. Việc bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc không chỉ nhằm mục tiêu phát triển, mà còn để kiến tạo nên một xã hội công bằng và nhân văn.

Tóm lại, nội hàm khái niệm lợi ích quốc gia - dân tộc trong lịch sử tư tưởng Việt Nam được hình thành dựa trên bối cảnh lịch sử chính trị đặc thù. Nó thể hiện sự gắn kết không thể tách rời giữa lợi ích của nhà nước và nhân dân, giữa độc lập và tiến bộ xã hội, giữa phát triển và hòa bình, tạo nên một bản sắc riêng biệt so với cách tiếp cận tập trung vào quyền lực và cạnh tranh của nhiều quốc gia khác.

### **3. Các thuộc tính cơ bản của lợi ích quốc gia - dân tộc**

#### **3.1. Tính khách quan**

Trước hết, lợi ích quốc gia - dân tộc mang tính khách quan, không phải là sản phẩm của ý chí chủ quan, mong muốn của bất kỳ cá nhân hay nhóm người nào. Nó được hình thành từ các điều kiện kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội tồn tại khách quan của một quốc gia - dân tộc, bao gồm vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, dân số, trình độ phát triển kinh tế, cơ cấu xã hội, truyền thống lịch sử - văn hóa, và môi trường an ninh, chính trị khu vực cũng như quốc tế... Những yếu tố này cấu thành nên sức mạnh quốc gia hay còn gọi là thực lực quốc gia, quy định nội dung, phương thức bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ quốc tế: “Sức mạnh quốc gia ảnh hưởng đến phạm vi không gian

của lợi ích quốc gia, thành phần nội tại của sức mạnh quốc gia (tỷ lệ sức mạnh cứng so với sức mạnh mềm), thành phần cơ bản của lợi ích quốc gia. Trong cộng đồng quốc tế, sự so sánh sức mạnh giữa các quốc gia thường có thể ảnh hưởng đến tình hình cơ bản và xu hướng phát triển của quan hệ lợi ích giữa các quốc gia” (Gao Wei Kai 2009: 83). Chẳng hạn, với quốc gia có đường bờ biển dài hơn 3.260 km như Việt Nam, việc bảo vệ chủ quyền trên các vùng biển, đảo, đảm bảo an ninh, an toàn hàng hải và phát triển bền vững kinh tế biển được coi là những lợi ích quốc gia cơ bản; không xuất phát từ lựa chọn chủ quan mà xuất phát từ thực tế địa - chính trị khách quan. Hay với những quốc gia thiếu hụt tài nguyên năng lượng buộc phải lựa chọn ưu tiên an ninh năng lượng, coi đó là mục tiêu hàng đầu. Học giả Wui Chern Liew từng nhấn mạnh khái niệm “không gian địa chính trị” để giải thích cách thức các quốc gia định hình chiến lược tồn tại: “Nếu loại trừ mục tiêu trở thành một quốc gia hùng mạnh thì mục đích quản lý “không gian địa chính trị” của một quốc gia là để đảm bảo sự tồn tại bền vững của chính quốc gia đó, điều này cũng đòi hỏi sự hỗ trợ của các điều kiện địa chính trị” (Wui Chern Liew 2019: 47-73). Dựa trên lý thuyết này, Singapore - quốc gia thiếu đất đai và nước ngọt - đã áp dụng lối tiếp cận thực dụng: thông qua quy hoạch hạ tầng chiến lược và mở rộng quan hệ đối tác, biến giới hạn địa lý thành lợi thế

logistics toàn cầu; đồng thời xây dựng hệ thống phòng thủ đa tầng. Chiến lược “sinh tồn thích nghi” này của Singapore chính là minh chứng sinh động cho cách thức lợi ích quốc gia - dân tộc được định hình bởi địa chính trị.

Như vậy, lợi ích quốc gia - dân tộc xuất phát từ cơ sở thực tiễn, bắt nguồn từ các điều kiện tồn tại và nhu cầu phát triển thiết yếu của quốc gia - dân tộc. Nhận diện chính xác các yếu tố này là cơ sở quan trọng để hoạch định đường lối phát triển, chính sách đối nội cũng như chính sách đối ngoại một cách khoa học và hiệu quả. Như học giả Ileana-Gentilia Metea phân tích: “Phân tích lợi ích quốc gia đòi hỏi phải xem xét đồng bộ bốn yếu tố: (1) đặc điểm môi trường an ninh quốc tế, (2) tiềm lực và nguồn lực quốc gia, (3) vị thế địa - chính trị, và (4) công cụ quyền lực để triển khai lợi ích trên trường quốc tế” (Ileana-Gentilia Metea 2020: 78).

### **3.2. Tính lịch sử - cụ thể**

Lợi ích quốc gia - dân tộc, *một mặt*, đòi hỏi tính bền vững, ổn định trước những biến động chính trị - xã hội trong và ngoài nước; *mặt khác*, cần phản ánh thực tiễn lịch sử, đáp ứng nhu cầu khách quan tất yếu, phù hợp với từng giai đoạn cụ thể. Việc xác định nội hàm của lợi ích quốc gia - dân tộc chịu sự tác động của các điều kiện khách quan, được hiện thực hóa qua các chiến lược cụ thể phù hợp với bối cảnh thời đại. Điều này được thể hiện rõ nét qua lịch sử dân tộc Việt Nam: trong thời kỳ kháng chiến, mục

tiêu độc lập - thống nhất được đặt lên vị trí tối thượng; sau Đổi mới năm 1986, phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế trở thành nội dung cốt lõi trong chiến lược phát triển. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, lợi ích quốc gia - dân tộc chịu nhiều tác động mạnh mẽ từ những thách thức đến từ các vấn đề an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, an ninh mạng, cạnh tranh công nghệ,... Những thách thức này đã đặt các quốc gia - dân tộc trước yêu cầu phải có sự xem xét, điều chỉnh kỹ lưỡng lợi ích của mình một cách linh hoạt và toàn diện. Thực tiễn chính trị phức tạp hiện nay đòi hỏi phải có tư duy biện chứng trong quá trình xác định lợi ích quốc gia - dân tộc; vừa kiên định với những giá trị nền tảng như chủ quyền lãnh thổ, ổn định chính trị, vừa linh hoạt trong việc điều chỉnh các ưu tiên nhằm thích ứng với sự biến đổi của thời đại.

Tính lịch sử - cụ thể của lợi ích quốc gia - dân tộc đòi hỏi cần đặt vấn đề lợi ích quốc gia - dân tộc ở trạng thái vận động; nội dung, cấu trúc và thứ tự ưu tiên của nó luôn có sự biến đổi phù hợp với từng giai đoạn lịch sử. Hơn nữa, nội hàm của khái niệm này không ngừng được mở rộng, bổ sung qua các thời kỳ. Không tồn tại một lợi ích quốc gia - dân tộc mang tính trừu tượng, chung chung cho mọi thời đại, mà bắt nguồn từ yếu tố khách quan, chủ quan tại mỗi thời kỳ lịch sử. Các yếu tố đó chính là sự phát triển của lực lượng sản xuất, sự biến đổi của cơ cấu kinh tế, kết cấu xã hội, điều

kiện tự nhiên cũng như biến chuyển trong cục diện kinh tế, chính trị toàn cầu. Bên cạnh đó, sự phát triển nội hàm khái niệm lợi ích quốc gia - dân tộc qua từng giai đoạn lịch sử cũng là kết quả của sự phát triển về nhận thức lý luận và năng lực tổ chức thực tiễn.

Vì thế, nhận thức rõ tính lịch sử - cụ thể của lợi ích quốc gia - dân tộc giúp chúng ta tránh được bệnh chủ quan, cứng nhắc, giáo điều. Việc nhận diện, thực thi lợi ích quốc gia - dân tộc đòi hỏi phải dựa trên quá trình phân tích khoa học, mang tính chiến lược, linh hoạt nhằm bảo vệ và phát huy cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trong từng hoàn cảnh lịch sử - cụ thể. Việc xác định thứ tự ưu tiên các lợi ích quốc gia cơ bản trong từng giai đoạn lịch sử chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, như một phân tích đã chỉ rõ: “Xét về thực tiễn, việc các quốc gia xếp thứ tự ưu tiên lợi ích quốc gia cơ bản phụ thuộc vào hàng loạt biến số mà có trong cả 4 cấp độ phân tích. Trong đó, các biến số đáng chú ý là: tầm nhìn, sự đánh giá vấn đề và ý chí của giới lãnh đạo trên cấp độ phân tích cá nhân; nguồn lực và điều kiện của đất nước trên cấp độ phân tích trong nước; đối tác/đối tượng trong từng quan hệ cụ thể trên cấp độ phân tích liên quốc gia; nguồn lực và tác động của hệ thống - cấu trúc quốc tế trên cấp độ hệ thống. Các biến số này sẽ ảnh hưởng đến sự ưu tiên” (Hoàng Khắc Nam 2023: 31).

### **3.3. Tính dân tộc**

Một thuộc tính cơ bản khác của lợi

ích quốc gia - dân tộc là tính dân tộc, biểu hiện trước hết ở việc đặt lợi ích quốc gia - dân tộc ở vị trí trung tâm. Điều này cũng có nghĩa, ở bình diện chính trị, cộng đồng dân tộc có toàn quyền quyết định con đường phát triển, mô hình chính trị; độc lập trước mọi sự can thiệp bên ngoài dựa trên nguyên tắc chủ quyền thuộc về nhân dân. Đồng thời, yêu cầu đặt ra cho nhà nước là sự phát triển kinh tế không chỉ nhằm nâng cao tiềm lực quốc gia, mà còn phải hướng đến đảm bảo cuộc sống ấm no, sung túc cho người dân. Mặt khác, tính dân tộc của lợi ích quốc gia - dân tộc cũng thể hiện ở yêu cầu khách quan là bảo tồn, phát huy các bản sắc văn hóa dân tộc. Di sản ngôn ngữ, lịch sử, giá trị truyền thống... đều được coi là những yếu tố cốt lõi khẳng định bản sắc, lòng tự tôn dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa cũng như là nguồn sức mạnh nội tại gắn kết, phục vụ cho lợi ích trường tồn của quốc gia. Bản sắc dân tộc thường đóng vai trò quan trọng trong việc xác định các ưu tiên, cách tiếp cận trong chính sách đối ngoại.

Tuy nhiên, trong quá trình nhận diện tính dân tộc của lợi ích quốc gia - dân tộc, cần nhận thức được những nguy cơ tiềm ẩn như việc lợi dụng tính chất này để che đậy mục đích riêng (phục vụ lợi ích nhóm/cá nhân) hoặc biến thành chủ nghĩa dân tộc cực đoan (biểu hiện bằng sự bài ngoại, kỳ thị, hoặc gây hấn với các quốc gia khác). Martha C. Nussbaum, trong tác phẩm *For Love of Country?*,

đã cảnh báo nguy cơ lòng trắc ẩn với đồng bào có thể biến thành sự căm ghét “kẻ khác”, hoặc chỉ tập trung vào lợi ích quốc gia - dân tộc mà bỏ qua nỗi khổ của người dân của các quốc gia khác (Xem: Martha C. Nussbaum 1996). Tương tự, Fred Dallmayr, trong tác phẩm *Dialogue Among Civilizations: Some Exemplary Voices*, cho rằng các quốc gia - dân tộc không nên cố thủ trong lợi ích riêng mà cần xem xét, cân nhắc đến các mối quan hệ, tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau với các quốc gia/nền văn minh khác. Theo ông, việc quá tập trung vào lợi ích quốc gia - dân tộc có thể dẫn đến sự xung đột, ảnh hưởng tới sự phát triển của một trật tự thế giới văn minh và hòa bình (Xem: Fred Dallmayr: 2002). Những cảnh báo từ các học giả cho thấy rằng, cần thiết phải tránh rơi vào tư duy vị kỷ quốc gia, lợi ích quốc gia - dân tộc không nên tách rời với lợi ích chung của nhân loại. Hơn nữa, việc thực thi, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc còn phải đặt trong một bối cảnh rộng lớn hơn, nơi mà tính dân tộc được biểu hiện một cách đa dạng và phụ thuộc vào bối cảnh lịch sử, văn hóa, hệ tư tưởng và thể chế chính trị của từng quốc gia. Cần nhận thức sâu sắc rằng, trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng chặt chẽ như hiện nay, không một quốc gia - dân tộc nào có thể tồn tại, phát triển bền vững nếu tách biệt, cô lập với thế giới. Các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia,...

đòi hỏi các quốc gia phải có sự phối hợp chặt chẽ. Hợp tác giải quyết các vấn đề này không chỉ thể hiện trách nhiệm quốc tế, mà còn có ý nghĩa phục vụ lợi ích an ninh, phát triển lâu dài của các quốc gia - dân tộc.

#### 4. Kết luận

Tóm lại, lợi ích quốc gia - dân tộc là một khái niệm phức tạp, đa diện và bao trùm một phổ rộng các mục tiêu và ưu tiên mà một quốc gia theo đuổi trong quan hệ quốc tế, nổi bật nhất là an ninh, thịnh vượng kinh tế, tự chủ chính trị và việc bảo tồn bản sắc văn hóa. Nó không phải là một khái niệm đơn nhất, cứng nhắc, mà là một tập hợp các lợi ích đa dạng, đôi khi tương hỗ, đôi khi lại mâu thuẫn, cạnh tranh lẫn nhau. Bốn trụ cột chính yếu của lợi ích quốc gia – an ninh, kinh tế, chính trị và văn hóa – có mối liên hệ biện chứng, chặt chẽ với nhau; tầm quan trọng tương đối của mỗi trụ cột có thể biến đổi đáng kể giữa các quốc gia khác nhau và thay đổi tương ứng với mỗi giai đoạn lịch sử. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, lợi ích quốc gia - dân tộc vẫn tiếp tục giữ vai trò là một nguyên tắc chỉ đạo cho hành động của các quốc gia, tuy nhiên, việc thực thi đòi hỏi một sự cân bằng tinh tế, khéo léo giữa việc bảo vệ các mối quan tâm quốc gia chính đáng và việc thúc đẩy các mục tiêu hợp tác quốc tế rộng lớn hơn. Như một học giả đã chỉ ra: “Nhiệm vụ cơ bản nhất trong việc thiết kế một chiến lược lớn là xác định lợi ích quốc gia của một quốc gia.

Một khi chúng được xác định, chúng sẽ thúc đẩy chính sách đối ngoại và chiến lược quân sự của một quốc gia; chúng xác định hướng đi cơ bản mà quốc gia đó thực hiện, các loại và số lượng tài nguyên mà quốc gia đó cần, và cách thức mà quốc gia phải sử dụng chúng để thành công. Do vai trò quan trọng của lợi ích quốc gia, chúng phải được biện minh một cách cẩn thận, không chỉ là giả định” (Robert J. Art 2003: 45).

### **Tài liệu trích dẫn**

1. Abdul A. Said và Charles O. Lerche, Jr. 1972. *Concepts of International Politics*. Prentice-Hall.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Tập I. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

3. Fred Dallmayr. 2002. *Dialogue Among Civilizations: Some Exemplary Voices*. Palgrave Macmillan.

4. Gao Wei Kai. 2009. “*国家利益：概念的界定及其解读*”. *世界经济与政治论坛*, 第 1 期.

5. Harold J. Clem. 1983. *The environment of national security*. Washington DC: National Defense University.

6. Hồ Chí Minh. 2011a. *Toàn tập*. Tập 4. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

7. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 5. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

8. Hoàng Khắc Nam. 2023. “*Lợi ích quốc gia trong bối cảnh hiện nay: từ lý thuyết tới thực tiễn*”. *Tạp chí nghiên*

*cứu châu Mỹ ngày nay*, số 02.

9. Hans J. Morgenthau. 1951. *In Defense of the National Interest: A Critical Examination of American Foreign Policy*. New York: Alfred A. Knopf.

10. Ileana-Gentilia Metea. 2020. “*National Interest, Terminology and Directions of Approach*”. *International conference Knowledge - based organization* 26 (1): 75- 79.

11. Jack C. Plano và Roy Olton. 1982. *The International Relation Dictionary*. Tái bản lần thứ ba. ABC - CLIO Santa Barbara.

12. Joseph S. Nye. 2004. *Soft Power: The Means to Success in World Politics*. New York: PublicAffairs.

13. Liew Wui Chern. 2019. “*马来西亚的地缘战略与国家利益*” Trang 47-73 trong sách *马来西亚外交与国防*. 马来西亚: 华社研究中心.

14. Martha C. Nussbaum. 1996. *For Love of Country?*. Beacon Press.

15. Niccolò Machiavelli. 2009. *The Prince*. Penguin Classics.

16. Nguyễn Trãi. 1976. *Toàn tập*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

17. Richelieu. 1961. *Testament Politique*. Madison: The University of Wisconsin Press.

18. Robert J. Art. 2003. *A Grand Strategy for America*. Ithaca, New York: Cornell University.

19. Serena Giusti. 2022. *The Fall and Rise of National Interest*. Palgrave Macmillan.